

Bản án số: 10/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 09-5-2022  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi  
ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN ĐỘNG, TỈNH BẮC GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hoàng Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Ngọc Ngát
2. Ông Lê Văn Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Viết Chung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang;

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Động tham gia phiên tòa:**  
Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên;

Ngày 09 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 3 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ, ngày 19/4/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Lê Thị Ph**, sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn Chung S, xã Lê V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh **Hoàng Văn Đ**, sinh năm 1985; nơi cư trú: Thôn Chung S, xã Lê V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; vắng mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Ông Hoàng Văn Ph, sinh năm 1958 và bà Trần Thị D, sinh năm 1958; đều cư trú tại thôn Chung S, xã Lê V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; đều vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Lê Thị Phư trình bày: Chị kết hôn với anh Hoàng Văn Đ vào năm 2010, trước khi cưới có thời gian tìm hiểu, yêu thương nhau, tự nguyện thỏa thuận kết hôn, không bị ai cưỡng ép, lừa dối. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê Viễn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang vào ngày 21/12/2010. Sau khi kết hôn, chị về nhà anh Đạt làm dâu, chung sống cùng gia đình anh Đ được 02 năm thì vợ chồng ra ở riêng. Tình cảm vợ chồng ban đầu hòa thuận, hạnh phúc.

Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh căng thẳng từ năm 2018, nguyên nhân là do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau. Từ năm 2019, vợ chồng cùng đi làm ăn xa, mỗi người làm ở một nơi, thi thoảng mới về nhà, đã ly thân về mặt tình cảm từ năm 2019 đến nay, không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau nữa.

Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, tình trạng hôn nhân căng thẳng, trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Đạt được ly hôn nhau.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Hoàng Nhật C, sinh ngày 25/6/2011. Hiện cháu C đang ở cùng với anh Đ. Vợ chồng ly hôn, anh Đ có nguyện vọng được nuôi con, anh Đ vẫn đảm bảo tốt việc nuôi dưỡng con nên chị nhường quyền nuôi dưỡng con cho anh Đạt. Đề nghị Tòa án giao cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu C.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị P giữ nguyên ý kiến như đã trình bày về quan hệ hôn nhân và thay đổi ý kiến về việc nuôi dưỡng con chung, đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho chị nuôi dưỡng, chị không yêu cầu anh Đạt phải cấp dưỡng nuôi con.

2. Bị đơn là anh Hoàng Văn Đ hiện đang ở cùng với bố mẹ đẻ tại thôn Chung S, xã Lê V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang; Tòa án đã nhiều lần đến nhà anh Đ để tổng đạt các văn bản tố tụng, lấy lời khai của anh Đ nhưng không gặp anh Đ. Bố đẻ anh Đ là ông Hoàng Văn Ph nhận các văn bản tố tụng thay anh Đạt và đã giao lại cho anh Đạt, nhưng anh Đạt không cung cấp ý kiến bằng văn bản, cũng không chấp hành đến Tòa án làm việc. Do vậy Tòa án không thu thập được ý kiến, lời khai của anh Đạt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn Ph và bà Trần Thị D đều trình bày: Ông, bà là bố mẹ đẻ của anh Đạt. Hiện anh Đạt và cháu

Hoàng Nhật Cường ở cùng nhà với ông, bà. Do anh Đạt, chị Phụng đi làm ăn nên ông, bà nhận giúp chăm sóc cháu Cường. Thời gian qua, anh Đạt, chị Phụng ít khi gửi tiền về cho ông, bà nuôi cháu nên ông, bà phải bỏ ra một khoản tiền để chi phí cho việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cường. Ông bà xác định đây là trách nhiệm của ông bà đối với con cháu nên ông, bà không yêu cầu anh Đạt, chị Phụng phải hoàn lại số tiền mà ông, bà đã bỏ ra. Nay chị Ph, anh Đ ly hôn, đề nghị Tòa án giao cháu Cường cho anh Đạt nuôi dưỡng, ông bà sẽ tiếp tục giúp anh Đ chăm sóc cháu C để cháu có môi trường sống ổn định.

4. Cháu Hoàng Nhật C trình bày: Cháu là con của bố Hoàng Văn Đ và mẹ Lê Thị Ph, hiện cháu đang ở cùng bố và ông bà nội. Bố mẹ cháu ly hôn, nguyện vọng của cháu là xin được ở cùng với bố và ông bà Nội.

5. Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng; nguyên đơn chấp hành tốt và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định. Anh Hoàng Văn Đạt là bị đơn không cung cấp lời khai, không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án. Sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Đạt vẫn vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đạt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng trình tự của phiên tòa sơ thẩm.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ph và anh Hoàng Văn Đ, giao cháu Hoàng Nhật C, sinh ngày 25/6/2011 cho anh Đạt trực tiếp nuôi dưỡng, chị Phụng không phải cấp dưỡng nuôi con; không đặt ra xem xét, giải quyết quan hệ về tài sản; Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Ph.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị Ph có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn anh Hoàng Văn Đ, có địa chỉ: Thôn Chung S, xã Lê V, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ vào Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Sơn Động thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Anh Hoàng Văn Đ có nơi cư trú rõ ràng, nhưng anh Đ cố tình trốn tránh, không chấp hành giấy triệu tập và yêu cầu của Tòa án; có cơ sở xác định anh Đạt đã nhận được hoặc biết được các văn bản tố tụng và giấy triệu tập của Tòa án. Do anh Đạt đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh Đạt theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ph và anh Hoàng Văn Đ kết hôn với nhau tuân theo các điều kiện kết hôn quy định tại Điều 8 – Luật Hôn nhân và gia đình, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Lê V, huyện Sơn Động vào ngày 21/12/2010. Vì vậy, xác định quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh Đ là hợp pháp; nay chị Ph khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và việc nuôi dưỡng con chung, Tòa án thụ lý vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại khoản 1, Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị P yêu cầu ly hôn anh Đ với lý do vợ chồng không hợp nhau về quan điểm, lối sống, bảo ban không ai nghe ai dẫn đến cãi chửi nhau, chị xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng không còn. Anh Đạt đã được chị Phượng gửi đơn khởi kiện và tài liệu kèm theo, được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng không cung cấp ý kiến cho Tòa án.

Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh. Như vậy, những tình tiết, sự kiện mà chị Phượng đưa ra, anh Đạt không có ý kiến phản đối nên chị Phượng không có nghĩa vụ phải chứng minh.

Lời khai của chị Ph cũng phù hợp với ý kiến của bố mẹ anh Đạt và kết quả xác minh tại địa phương. Có cơ sở khẳng định giữa chị Phượng và anh Đạt có xảy ra mâu thuẫn, cả hai không còn chung sống cùng nhau.

Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ chung sống với nhau...”

Xét thấy, chị Ph và anh Đ sống ly thân nhau đã lâu, cả hai đều vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của người chồng, người vợ là thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau và nghĩa vụ chung sống với nhau, làm

cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, cuộc sống chung không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được; Tòa án chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phượng là đúng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[3]** Về quan hệ con chung: Chị Ph và anh Đ có một con chung là cháu Hoàng Nhật Cường, sinh ngày 25/6/2011, hiện cháu đang ở cùng anh Đạt và ông, bà nội. Ban đầu, chị Phượng tự nguyện nhường quyền nuôi con cho anh Đạt. Tại phiên tòa chị Ph thay đổi ý kiến xin được nuôi con. Hội đồng xét xử nhận định: Hiện chị Phượng chưa có chỗ ở ổn định; mặc dù anh Đạt không cung cấp ý kiến gì về việc nuôi dưỡng con chung cho Tòa án nhưng từ khi chị Phượng, anh Đạt sống ly thân, anh Đạt là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Cường; anh Đạt có chỗ ở ổn định, có tham gia lao động có thu nhập, ngoài ra anh Đạt còn nhận được sự hỗ trợ, giúp đỡ của bố mẹ nên có điều kiện nuôi dưỡng con tốt hơn chị Phượng. Căn cứ vào Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình, cần giao cho anh Đạt trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Nhật C để đảm bảo cho cháu có điều kiện phát triển ổn định và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Cường. Do anh Đ chưa yêu cầu nên chị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Ph có quyền thăm nom, chăm sóc con mà không ai được cản trở.

Đối với ông Hoàng Văn Ph, bà Trần Thị D là người giúp anh Đạt, chị Phượng chăm sóc cháu Cường. Quá trình chăm sóc phải chi phí một khoản tiền. Tuy nhiên, ông Phúc, bà Dâu không yêu cầu anh Đạt, chị Phượng phải hoàn lại số tiền đã bỏ ra nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

**[4]** Về án phí: Chị Ph yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí ly hôn. Do chị Phượng là thành viên hộ nghèo nên được miễn án phí ly hôn theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 1, Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa chị Lê Thị Ph và anh Hoàng Văn Đ.

**2. Về con chung:**

Giao cho anh Hoàng Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Nhật C, sinh ngày 25 tháng 6 năm 2011.

Chị Lê Thị Ph không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

**3. Về án phí:** Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lê Thị Ph.

Đương sự có mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có 15 ngày kháng cáo kể từ ngày nhận được (hoặc kể từ ngày niêm yết) bản án xét xử vắng mặt.

*\* Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Các đương sự
- VKSND huyện SĐ
- VKSND tỉnh BG
- TAND tỉnh BG
- UBND xã Lê V
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Hoàng Thị Hằng**